Chi tiết mã HS 3823.70.10

Mã HS	3823.70.10
Mô tả hàng hóa	Axit béo monocarboxylic công nghiệp; dầu axit từ quá trình tinh lọc; cồn béo công nghiệp / - Cồn béo công nghiệp: / - - Dạng sáp
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 05:49:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/38237010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5498
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5498
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5498
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5365
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5326
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5326
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5326
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5326
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5326
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5326
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5370
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5370

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5370
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5370
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5370
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5370
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5368
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5368
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5368
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5368
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5368
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5368
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5370
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5332
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5328
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5328
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5328
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5328
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5328
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5328
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5337
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5337
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5337
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5337
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5337
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5337
VCFTA	2022	2022	5	VC!D5378
VCFTA	2023	2023	5	VC!E5378

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5378
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5378
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5378
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5378
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5379
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5379
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5379
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5379
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5379
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5379
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5382
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5382
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5382
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5382
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5382
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5382
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5351
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5351
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5351
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5351
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5351
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5351
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5353
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5353
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5353
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5353
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5353
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5351
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5351
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5351
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5351
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5351
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5351
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5351
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5372
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5372
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5372
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5372
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5372
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5372
RCEP B	2022	2022	0	B!D5372
RCEP B	2023	2023	0	B!E5372
RCEP B	2024	2024	0	B!F5372
RCEP B	2025	2025	0	B!G5372
RCEP B	2026	2026	0	B!H5372
RCEP B	2027	2027	0	B!I5372
RCEP C	2022	2022	0	C!D5372
RCEP C	2023	2023	0	C!E5372
RCEP C	2024	2024	0	C!F5372
RCEP C	2025	2025	0	C!G5372
RCEP C	2026	2026	0	C!H5372

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5372
RCEP D	2022	2022	0	D!D5372
RCEP D	2023	2023	0	D!E5372
RCEP D	2024	2024	0	D!F5372
RCEP D	2025	2025	0	D!G5372
RCEP D	2026	2026	0	D!H5372
RCEP D	2027	2027	0	D!I5372
RCEP E	2022	2022	0	E!D5375
RCEP E	2023	2023	0	E!E5375
RCEP E	2024	2024	0	E!F5375
RCEP E	2025	2025	0	E!G5375
RCEP E	2026	2026	0	E!H5375
RCEP E	2027	2027	0	E!I5375
RCEP F	2022	2022	0	F!D5372
RCEP F	2023	2023	0	F!E5372
RCEP F	2024	2024	0	F!F5372
RCEP F	2025	2025	0	F!G5372
RCEP F	2026	2026	0	F!H5372
RCEP F	2027	2027	0	F!I5372
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F4942
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G4942
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H4942
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I4942

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3823.70 có 2 dòng thuế; dòng 3823.70.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng sáp.	3823.70.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3823.70.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3823.70.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5498), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.